

Số: 317 /QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên Chất lượng cao học kỳ 2 năm học 2016 - 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/08/2007 về Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-ĐHKTL ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ;

Xét đề nghị của thường trực Ban điều hành đề án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 157 sinh viên thuộc Chương trình Chất lượng cao các khóa được cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2016 - 2017 theo nội dung đề án Chất lượng cao (*Danh sách và mức học bổng kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Công tác sinh viên, các Khoa, Bộ môn, Bộ phận, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*Chữ*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Tiến Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC: 2016-2017
(Theo Quyết định số...317...ngày...28... Tháng...3...năm 2018)**

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
K14402C	1	K144050691	Lưu Thị Hồng	Nhung	30/11/1996	18	8.50	85.00	Giỏi	14,000,000
	2	K144020274	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	30/07/1996	15	8.40	81.00	Giỏi	7,000,000
	3	K144081054	Võ Tuấn	Anh	13/06/1996	18	8.33	83.00	Giỏi	3,500,000
	4	K144020313	Trần Anh	Tuấn	11/08/1996	18	8.33	81.00	Giỏi	3,500,000
	5	K144020298	Trần Thanh Thuỷ	Tiên	06/01/1996	20	8.18	84.00	Giỏi	3,500,000
	6	K144020148	Phù Mẫn	Đạt	27/12/1996	18	8.17	85.00	Giỏi	3,500,000
	7	K144020275	Nguyễn Thị Mai	Thảo	26/08/1995	21	8.14	82.00	Giỏi	3,500,000
K14404C	8	K144040518	Trần Ngọc Quỳnh	Mai	11/04/1996	21	8.50	80.00	Giỏi	7,000,000
	9	K144040524	Hoàng Hải	Ngân	15/01/1996	21	8.43	80.00	Giỏi	7,000,000
K14408C	10	K144030389	Trần Thị Kim	Oanh	05/11/1995	17	8.71	85.00	Giỏi	14,000,000
	11	K144111448	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/01/1996	17	8.53	80.00	Giỏi	7,000,000
	12	K144070944	Trần Bảo	Ngọc	14/01/1996	17	8.41	82.00	Giỏi	7,000,000
	13	K145011506	Nguyễn Đăng	Huy	27/02/1996	17	8.35	84.00	Giỏi	7,000,000
	14	K144081069	Nguyễn Thị Thanh	Giang	22/03/1996	17	8.15	80.00	Giỏi	3,500,000
	15	K144081109	Lê Thị Cẩm	Nhung	07/10/1996	17	8.06	82.00	Giỏi	3,500,000
	16	K144070989	Nguyễn Thị Xuân	Thắm	06/11/1996	19	8.03	83.00	Giỏi	3,500,000
	17	K144071022	Phạm Hoàng Diệp	Trinh	15/08/1996	17	8.00	100.00	Giỏi	3,500,000
	18	K144081091	Trần Yến	Linh	27/07/1996	17	8.00	82.00	Giỏi	3,500,000
	19	K144091262	Nguyễn Châu	Thuận	06/01/1996	14	8.64	86.00	Giỏi	7,000,000
	20	K144091280	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/08/1996	14	8.64	85.00	Giỏi	7,000,000



Chữ ký

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
K14409C	21	K144091245	Đỗ Trung	Quân	08/09/1996	14	8.14	83.00	Giỏi	3,500,000
	22	K144091179	Lê Thành	Đạt	14/02/1996	14	8.07	82.00	Giỏi	3,500,000
	23	K144091169	Nguyễn Hữu	Cường	22/01/1996	16	8.06	81.00	Giỏi	3,500,000
K14502C	24	K145021740	Trần Khánh	Toàn	01/12/1996	18	9.08	84.00	Xuất sắc	14,000,000
	25	K145021685	Nguyễn Hoàng Ngọc	Nga	30/06/1996	18	8.83	80.00	Giỏi	7,000,000
	26	K145021746	Phạm Vũ Ngọc	Trâm	13/07/1995	18	8.78	86.00	Giỏi	7,000,000
	27	K145021701	Phạm Thị Kiều	Oanh	16/10/1996	18	8.75	91.00	Giỏi	3,500,000
	28	K144010030	Hà Ngọc	Hoàng	07/09/1996	18	8.61	89.00	Giỏi	3,500,000
K15402C	29	K154020215	Bùi Bảo	Trân	16/04/1997	18	9.53	86.00	Xuất sắc	12,500,000
	30	K154020199	Trần Thị Yến	Nhi	08/09/1997	16	9.50	91.00	Xuất sắc	12,500,000
	31	K154020204	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	26/02/1997	18	9.19	95.00	Xuất sắc	12,500,000
	32	K154020219	Trần Anh Minh	Uyên	05/12/1997	18	8.94	94.00	Giỏi	6,250,000
	33	K154020186	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	12/12/1997	16	8.91	84.00	Giỏi	3,125,000
	34	K154020214	Huỳnh Thị	Trang	23/03/1997	18	8.89	90.00	Giỏi	3,125,000
	35	K154020189	Nguyễn Thị	Hồng	10/05/1997	16	8.88	91.00	Giỏi	3,125,000
	36	K154020192	Mai	Linh	08/11/1997	18	8.83	90.00	Giỏi	3,125,000
K15404C	37	K154040428	Phạm Thị Minh	Huyền	14/04/1997	20	7.80	92.00	Khá	12,500,000
	38	K154040448	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	20/12/1997	20	7.48	88.00	Khá	6,250,000
	39	K154040445	Đặng Ngọc Anh	Thu	22/05/1997	20	7.30	87.00	Khá	6,250,000
	40	K154040420	Phan Khương	Duy	05/04/1997	20	7.18	80.00	Khá	3,125,000
	41	K154040443	Lương Thanh	Thảo	08/09/1997	20	7.13	80.00	Khá	3,125,000
	42	K154040449	Võ Trần	Trí	18/09/1997	20	7.13	80.00	Khá	3,125,000
	43	K154040446	Huỳnh Thảo	Trang	24/04/1997	20	7.05	84.00	Khá	3,125,000
	44	K154040447	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trang	20/08/1997	20	7.05	86.00	Khá	3,125,000
	45	K154070736	Ngô Hoàng	Viễn	01/01/1997	16	8.25	94.00	Giỏi	12,500,000

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
K15407C	46	K154070722	Huỳnh	Phát	30/12/1997	16	8.13	98.00	Giỏi	6,250,000
	47	K154070725	Trần Thị Thu	Thảo	13/09/1997	18	7.97	90.00	Khá	6,250,000
	48	K154070711	Nguyễn Thị Hồng	Linh	28/12/1997	18	7.94	91.00	Khá	6,250,000
	49	K154070707	Dương Minh	Hùng	31/12/1997	16	7.91	91.00	Khá	3,125,000
	50	K154070724	Nguyễn Ngọc	Thanh	19/07/1997	16	7.78	92.00	Khá	3,125,000
	51	K154070723	Đặng Thiên	Phúc	15/01/1997	16	7.69	78.00	Khá	3,125,000
K15408C	52	K154080826	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	24/10/1997	18	8.61	93.00	Giỏi	12,500,000
	53	K154080835	Nguyễn Duy	Lộc	02/05/1997	18	8.47	83.00	Giỏi	6,250,000
	54	K154080844	Phan Thị Như	Thảo	25/11/1997	16	8.34	99.00	Giỏi	6,250,000
	55	K154080845	Trần Thị Hồng	Thắm	29/07/1997	19	8.34	99.00	Giỏi	6,250,000
	56	K154080859	Nguyễn Thị	Vân	01/11/1997	18	8.14	82.00	Giỏi	3,125,000
	57	K154080824	Nguyễn Trúc	Anh	10/08/1997	16	8.00	85.00	Giỏi	3,125,000
	58	K154080860	Nguyễn Thị Trúc	Vy	03/05/1997	18	7.94	88.00	Khá	3,125,000
	59	K154080839	Phan Lê Thanh	Phương	13/10/1997	18	7.78	88.00	Khá	3,125,000
K15409C	60	K154090952	Đinh Lê Minh	Hiếu	16/10/1997	18	9.00	81.00	Xuất sắc	12,500,000
	61	K154090960	Phạm Như	Ngọc	08/03/1997	16	8.75	80.00	Giỏi	6,250,000
	62	K154090959	Nguyễn Hồng	Ngọc	08/07/1997	18	8.72	80.00	Giỏi	6,250,000
	63	K154090964	Lê Nhượng	Quân	01/02/1997	16	8.56	85.00	Giỏi	6,250,000
	64	K154090947	Phạm Phú Thành	Đạt	06/04/1997	18	8.31	84.00	Giỏi	3,125,000
	65	K154090962	Văn Ngọc Tấn	Phát	06/06/1997	16	8.13	97.00	Giỏi	3,125,000
	66	K154090954	Trần Trọng	Hữu	04/03/1997	16	8.13	85.00	Giỏi	3,125,000
	67	K154090961	Lương Thị Thanh	Nhã	29/01/1997	18	8.06	90.00	Giỏi	3,125,000
	68	K154050481	Bùi Ngọc	Linh	07/02/1997	18	8.00	82.00	Giỏi	3,125,000
	69	K155021330	Huỳnh Minh	Tâm	24/05/1997	16	8.25	84.00	Giỏi	12,500,000
	70	K155021322	Nguyễn Thị Thanh	Loan	27/01/1997	16	8.19	94.00	Giỏi	6,250,000

G/P
ĐC
-LU
★

Chữ

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
K15502C	71	K155021319	Cao Duy	Khôi	25/05/1997	18	8.11	91.00	Giỏi	6,250,000
	72	K155021331	Trương Thiện Tuyết	Thanh	04/10/1997	16	8.09	88.00	Giỏi	6,250,000
	73	K155021344	Phan Thị Thùy	Vân	31/05/1997	18	8.08	90.00	Giỏi	6,250,000
	74	K155021321	Nguyễn Hoàng	Lan	25/07/1997	16	8.00	92.00	Giỏi	3,125,000
	75	K155021338	Đoàn Thị Bích	Trân	17/05/1997	16	7.97	82.00	Khá	3,125,000
	76	K155021310	Phan Vũ Thị Khánh	Chi	03/01/1997	16	7.94	78.00	Khá	3,125,000
K16402C	77	K164020318	Mạc Bùi Thiên	Thảo	24/09/1998	18	9.36	93.00	Xuất sắc	11,000,000
	78	K164020303	Thiều Gia	Nguyên	05/10/1998	18	8.81	85.00	Giỏi	5,500,000
	79	K164020315	Lý Bá	Tài	16/09/1998	18	8.78	88.00	Giỏi	5,500,000
	80	K164020298	Nguyễn Thị Thiên	Nga	13/07/1998	18	8.72	88.00	Giỏi	5,500,000
	81	K164020277	Trương Thiên	Ân	06/08/1998	18	8.50	82.00	Giỏi	5,500,000
	82	K164020301	Võ Thị Thu	Ngân	06/06/1998	18	8.47	85.00	Giỏi	2,750,000
	83	K164020278	Phan Gia	Bảo	14/01/1998	18	8.42	81.00	Giỏi	2,750,000
	84	K164020300	Nguyễn Đặng Phương	Ngân	06/09/1998	18	8.39	86.00	Giỏi	2,750,000
K16403C	85	K164030418	Nguyễn Kiều	Oanh	21/08/1998	18	8.06	72.00	Giỏi	11,000,000
	86	K164030414	Phạm Trường	My	31/10/1998	18	7.86	83.00	Khá	5,500,000
	87	K164030427	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	24/11/1998	18	7.81	84.00	Khá	2,750,000
	88	K164030422	Lý Công	Thành	29/05/1998	18	7.81	81.00	Khá	2,750,000
K16404C	89	K164042221	Lê Trần Ngọc	Minh	26/01/1998	18	8.14	80.00	Giỏi	11,000,000
	90	K164040597	Đặng Quốc	Bảo	26/09/1998	18	8.06	73.00	Giỏi	5,500,000
	91	K164040625	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/01/1997	18	8.03	85.00	Giỏi	5,500,000
	92	K164040627	Phạm Nguyễn Thiên	Thanh	13/08/1998	20	8.03	86.00	Giỏi	5,500,000
	93	K164040618	Trần Tuyết	Minh	20/10/1998	18	7.89	80.00	Khá	2,750,000
	94	K164040638	Ngô Trần Anh	Thư	23/08/1998	20	7.88	81.00	Khá	2,750,000
	95	K164040603	Nguyễn Tiến	Đạt	13/04/1998	18	7.86	80.00	Khá	2,750,000

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
K16405C	96	K164040641	Phạm Thành	Tiến	12/12/1998	20	7.80	84.00	Khá	2,750,000
	97	K164050741	Tôn Nữ Quỳnh	Anh	13/10/1998	18	8.36	77.00	Giỏi	11,000,000
	98	K164050761	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	07/02/1998	18	8.28	80.00	Giỏi	5,500,000
	99	K164050757	Huỳnh Hoàng	Quyên	18/10/1998	18	8.17	74.00	Giỏi	5,500,000
	100	K164050743	Võ Đặng Việt	Đan	20/06/1998	20	8.13	91.00	Giỏi	5,500,000
	101	K164052243	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/05/1998	18	7.81	75.00	Khá	2,750,000
	102	K164052244	Vũ Thị Lê	Như	17/10/1998	18	7.78	80.00	Khá	2,750,000
K16406C	103	K164060852	Bùi Thị Mai	Trang	27/10/1997	21	7.90	76.00	Khá	5,500,000
	104	K164062652	Thái Thị Huyền	Trang	02/09/1998	21	7.90	77.00	Khá	5,500,000
	105	K164062649	Nguyễn Việt	Hòa	13/03/1998	21	7.43	76.00	Khá	2,750,000
K16407C	106	K164072365	Nguyễn Thị Xuân	Vân	27/01/1998	18	8.22	80.00	Giỏi	11,000,000
	107	K164070956	Phạm Nguyễn Thụy	Anh	04/10/1998	18	8.17	81.00	Giỏi	5,500,000
	108	K164071014	Đinh Hoàng Phương	Uyên	06/05/1995	23	8.11	82.00	Giỏi	5,500,000
	109	K164071004	Nguyễn Phương	Tây	16/02/1998	18	7.97	89.00	Khá	2,750,000
	110	K164070964	Phan Nguyễn Hữu	Duyên	10/05/1998	23	7.91	82.00	Khá	2,750,000
	111	K164070998	Bùi Như	Quỳnh	10/10/1998	23	7.91	75.00	Khá	2,750,000
	112	K164070988	Mai Kiều Quỳnh	Ngọc	31/01/1998	23	7.87	73.00	Khá	2,750,000
K16408C	113	K164081131	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	27/10/1998	18	8.61	82.00	Giỏi	11,000,000
	114	K164081144	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	06/05/1998	18	8.42	85.00	Giỏi	5,500,000
	115	K164081134	Nguyễn Hương	Huyền	20/02/1998	18	8.39	88.00	Giỏi	5,500,000
	116	K164081174	Lê Phạm Thùy	Tiên	08/11/1998	20	8.33	80.00	Giỏi	5,500,000
	117	K164081139	Đặng Thị	Kiều	26/04/1998	18	8.19	91.00	Giỏi	2,750,000
	118	K164081145	Đặng Diễm	My	07/04/1998	18	8.19	90.00	Giỏi	2,750,000
	119	K164081143	Phạm Thị Tuyết	Loan	07/08/1998	18	8.19	85.00	Giỏi	2,750,000
	120	K164091363	Phạm Thị	Trà	04/08/1998	18	8.78	99.00	Giỏi	11,000,000

Chữ

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
K16409C	121	K164091311	Đinh Thị Minh	Anh	12/04/1998	20	8.55	82.00	Giỏi	5,500,000
	122	K164091342	Nguyễn Tiểu	My	24/07/1998	20	8.50	85.00	Giỏi	5,500,000
	123	K164091360	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/06/1998	18	8.17	88.00	Giỏi	2,750,000
	124	K164091331	Dương Trung	Hiếu	14/07/1998	18	8.11	80.00	Giỏi	2,750,000
	125	K164091361	Cao Chánh	Tiến	15/06/1998	18	8.08	89.00	Giỏi	2,750,000
	126	K164091350	Phan Văn	Nhật	25/11/1998	18	8.03	88.00	Giỏi	2,750,000
	127	K164091337	Trần Đăng	Khoa	26/04/1998	18	8.03	80.00	Giỏi	2,750,000
K16410C	128	K164101481	Tăng Thái	Ngọc	05/05/1998	18	8.56	82.00	Giỏi	11,000,000
	129	K164101465	Nguyễn Công	Đăng	18/03/1998	18	8.28	80.00	Giỏi	5,500,000
	130	K164101470	Nguyễn Ngọc	Hân	08/10/1998	18	8.06	89.00	Giỏi	5,500,000
	131	K164101497	Dương Hoài Đắc	Vy	23/05/1998	20	8.00	73.00	Giỏi	2,750,000
	132	K164101482	Lê Đình Bảo	Nhi	20/01/1998	18	7.83	94.00	Khá	2,750,000
	133	K164101484	Võ Huyền Yến	Nhi	03/09/1998	18	7.83	70.00	Khá	2,750,000
K16501C	134	K165012501	Trần Thị Quỳnh	Ngân	05/09/1998	18	8.64	88.00	Giỏi	11,000,000
	135	K165011689	Phan Mạnh	Hùng	01/09/1998	18	8.44	88.00	Giỏi	5,500,000
	136	K165011702	Phan Ngọc Kim	Sa	23/01/1998	18	8.42	88.00	Giỏi	5,500,000
	137	K165011682	Nguyễn Việt	Cường	23/05/1998	18	8.39	92.00	Giỏi	5,500,000
	138	K165011703	Lê Thị Mỹ	Sen	01/07/1998	18	8.28	91.00	Giỏi	5,500,000
	139	K165011707	Lưu Thị	Thu	06/01/1997	18	8.22	77.00	Giỏi	2,750,000
	140	K165011715	Trần Thảo	Vi	27/09/1998	18	8.19	91.00	Giỏi	2,750,000
	141	K165012498	Nguyễn Đình	Luân	24/10/1998	18	7.97	85.00	Khá	2,750,000
	142	K165012502	Vi Thị Hồng	Ngọc	28/08/1996	18	7.92	80.00	Khá	2,750,000
	143	K165021852	Hoàng Nam	Trân	13/07/1998	18	8.69	87.00	Giỏi	11,000,000
	144	K165021848	Lê Nguyễn Thanh	Thanh	13/07/1998	18	8.69	81.00	Giỏi	5,500,000
	145	K165021811	Phạm Ngọc Quế	Anh	30/08/1998	18	8.64	73.00	Giỏi	5,500,000

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
K16502C	146	K165021831	Lữ Huỳnh Khánh	Linh	22/05/1998	18	8.61	88.00	Giỏi	5,500,000
	147	K165022669	Nguyễn Hồng	Phương	23/12/1998	18	8.47	81.00	Giỏi	2,750,000
	148	K165021835	Lê Thanh	Ngân	04/04/1998	18	8.44	83.00	Giỏi	2,750,000
	149	K165022562	Phạm Thu	Thủy	07/10/1998	18	8.44	80.00	Giỏi	2,750,000
K16503C	150	K165032632	Nguyễn Minh	Tuấn	01/03/1998	18	7.83	92.00	Khá	11,000,000
	151	K165031965	Trần Thị Thu	Thảo	28/06/1998	18	7.75	86.00	Khá	5,500,000
	152	K165032626	Đinh Tiến	Hoàng	28/02/1997	18	7.33	93.00	Khá	5,500,000
	153	K165031968	Nguyễn Lưu Khánh	Trang	04/08/1998	18	7.28	82.00	Khá	5,500,000
	154	K165031947	Đổng Thị Thanh	Hiền	07/05/1998	18	7.25	85.00	Khá	2,750,000
	155	K165031958	Bùi Lê	Minh	24/02/1998	18	7.25	73.00	Khá	2,750,000
	156	K165031960	Hồ Thị Kim	Ngân	11/07/1998	18	7.06	77.00	Khá	2,750,000
	157	K165031962	Nguyễn Văn	Sơn	02/08/1998	18	7.03	70.00	Khá	2,750,000

Tổng Cộng

841,000,000

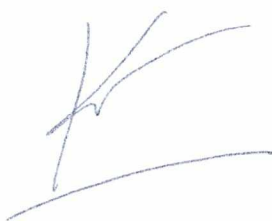
Số tiền bằng chữ: Tám trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn.

Người lập bảng

Trưởng P.CTSV

Trưởng P.KHTC

Hiệu trưởng





Lê Kim Vũ

Võ Văn Trọng

Nguyễn Đình Hưng

Nguyễn Tiến Dũng

